TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 213/2022/QĐST- HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 373/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/11/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 35, tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 35, tổ dân phố P, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phương L, sinh ngày 12/09/2009; anh Nguyễn Văn S được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 22/10/2013. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh S và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu cả 150.000 đồng án phí DSST nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001891 ngày 22/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Hoàn trả chị N số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- CCTHADS TP Bắc Giang;
- VKS TP Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND phường D, thành phố B.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trường